

Bản án số 38/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 7 năm 2017
“V/v ly hôn giữa chị L và anh T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - T PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Khắc Tường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Trà

2. Ông Huỳnh Tiến

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Trang - Cán bộ
Tòa án nhân dân quận C, T phố Đà Nẵng.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, T phố Đà Nẵng tham gia phiên
tòa: Bà Trần Nhã Minh Hoàng - Kiểm sát viên.*

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C T phố Đà
Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 113/2017/TLST-
HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm
2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị L**- sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: K46/28 Đường T, quận C, T phố Đà Nẵng.

2. *Bị đơn:* Anh **Hồ Văn T** - sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: 06 Đường NT, quận C, T phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 04 tháng 5 năm 2017 và trong
quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày:*

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Hồ Văn T tự nguyện kết
hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn ở UBND phường B, quận C, T phố Đà
Nẵng, giấy chứng nhận kết hôn số 44 quyển số 01/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng
anh chị chung sống tại 06 Đường NT, quận C, T phố Đà Nẵng. Trong quá trình
chung sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã.
Nguyên nhân vì tính tình, quan điểm sống không hòa hợp, anh T không có trách
nhiệm gì với vợ con. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì anh chị đã sống ly
thân cho đến nay. Vợ chồng xa cách lâu ngày, chị L xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã
thực sự trầm trọng, và hiện chị không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án
cho chị được ly hôn với anh T.

2. *Về quan hệ nuôi con chung:* Vợ chồng chị L có 01 con chung là cháu Hồ Văn T - sinh ngày 04 tháng 04 năm 2015. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về quan hệ tài sản:* chị L và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu giải Tòa án giải quyết. Đồng thời chị L xác nhận vợ chồng chị không có nợ chung.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện của mình.

Đối với bị đơn Hồ Văn T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến cho rằng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Hồ Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn ở UBND phường B, quận C, TP Hồ Chí Minh. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được Nhà nước công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Hồ Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau thời gian chung sống giữa vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm và tính tình. Hôn nhân không đạt được mục đích do xa cách lâu ngày cũng như việc vi phạm nghĩa vụ làm chồng, làm cha của anh T. Đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Hồ Văn T.

2. *Về quan hệ nuôi con chung:* chị Nguyễn Thị L và anh Hồ Văn T có 01 con chung tên là Hồ Văn T - sinh ngày 04 tháng 04 năm 2015. Xét nguyện vọng của chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con thì thấy, cháu Tài hiện còn nhỏ nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, thực tế từ trước đến nay cháu Tài luôn do chị L trực tiếp nuôi dưỡng khi hai vợ chồng sống ly thân. Do đó yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con của chị L là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

3. *Về quan hệ tài sản:* chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bị đơn là anh Hồ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh T.

* Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị L phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227, điều 271 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Hồ Văn T

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Hồ Văn T - sinh ngày 04 tháng 04 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Hồ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp tại biên lai thu số 009355 ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, T phố Đà Nẵng. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q.C;
- UBND Phường B ;
- CCTHADSQ.C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Khắc Tường

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa